

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI GIỮA HỌC KỲ I – KHỐI 11
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT
NĂM HỌC 2025 2026

1. MỤC TIÊU:

1.1. Kiến thức: Học sinh ôn tập các bài

Chủ đề 1: Cạnh tranh và cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

- Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường

- Bài 2: Cung cầu trong nền kinh tế thị trường Việt Nam

Chủ đề 2: Lạm phát, thất nghiệp

- Bài 3: Lạm phát

1.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng vận dụng kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm đúng/sai, tự luận ở các mức độ khác nhau.

- Kỹ năng phân tích, liên hệ các vấn đề liên quan đến cạnh tranh, cung - cầu, lạm phát.

2. NỘI DUNG

2.1. Các câu hỏi định tính:

2.2. Các câu hỏi định lượng:

2.3. Ma trận

T T	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng- Sai”									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1: Cạnh tranh và cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	2	1	1	2	2	4				4	3	5	36%
		Bài 2: Cung cầu trong nền kinh tế thị trường Việt Nam	2	2		2	2	4				4	4	4	36%
2	Chủ đề 2: Lạm phát, thất nghiệp	Bài 3: Lạm phát	2	1	1				2	1	1	4	2	2	28%
Tổng số câu			6	4	2	4	4	8	2	1	1	12	9	12	
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10

Tỉ lệ %	30	40	30	40	30	30	100
---------	----	----	----	----	----	----	-----

3. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ ĐỀ MINH HỌA

Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án đúng)

BIẾT:

Câu 1: Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm

- A. lợi tức. B. tranh giành. C. cạnh tranh. D. đấu tranh.

Câu 2: Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh có vai trò như thế nào đối với sự phát triển?

- A. Cơ sở. B. Triệt tiêu. C. Nền tảng. D. Động lực.

Câu 3: Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá, cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

- A. Cạnh tranh văn hoá. B. Cạnh tranh kinh tế.
C. Cạnh tranh chính trị. D. Cạnh tranh sản xuất.

Câu 4: Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

- A. điều kiện sản xuất. B. giá trị thặng dư.
C. nguồn gốc nhân thân. D. quan hệ tài sản.

Câu 5: Trong nền kinh tế thị trường, nói đến tính chất của cạnh tranh là nói đến việc

- A. tranh đua, đấu tranh B. thu được nhiều lợi nhuận
C. giành giật khách hàng D. giành quyền lợi về mình

Câu 6: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

- A. người bán và người bán. B. người mua và người mua.
C. người sản xuất với người tiêu dùng. D. người sản xuất và người đầu tư.

Câu 7: Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

- A. cầu. B. tổng cầu. C. tổng cung. D. cung.

Câu 8: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

- A. khả năng xác định. B. sản xuất xác định. C. nhu cầu xác định. D. thu nhập xác định.

Câu 9: Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. giá cả của hàng hóa đó. B. nguồn gốc của hàng hóa.
C. chất lượng của hàng hóa. D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 10: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

- A. khả năng xác định. B. sản xuất xác định.
C. nhu cầu xác định. D. thu nhập xác định.

Câu 11: Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát. B. tiền tệ. C. cung cầu. D. thị trường.

Câu 12: Trong nền kinh tế, dấu hiệu cơ bản để nhận biết nền kinh tế đó đang ở trong thời kỳ lạm phát đó là sự

- A. tăng giá hàng hóa, dịch vụ. B. giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

C. gia tăng nguồn cung hàng hóa.

D. suy giảm nguồn cung hàng hóa.

Câu 13: Khi mức độ tăng giá của hàng hóa và dịch vụ ở một con số, điều đó phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế đó ở mức độ

A. lạm phát vừa phải.

B. lạm phát phi mã.

C. siêu lạm phát.

D. không đáng kể.

Câu 14: Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ vừa phải thì giá cả hàng hóa, dịch vụ thường tăng ở mức độ

A. không xác định.

B. hai con số trở lên.

C. không đáng kể.

D. một con số.

Câu 15: Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở một con số hằng năm từ 0% đến dưới 10% khi đó nền kinh tế có mức độ

A. siêu lạm phát.

B. lạm phát phi mã.

C. lạm phát vừa phải.

D. lạm phát tuyệt đối.

HIỆU:

Câu 1: Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

A. nguyên nhân của sự giàu nghèo.

B. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

C. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.

D. tính chất của cạnh tranh.

Câu 2: Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

A. Sự khác nhau xuất thân.

B. Chính sách của nhà nước.

C. Chi phí sản xuất bằng nhau.

D. Điều kiện sản xuất khác nhau.

Câu 3: Người sản xuất, kinh doanh cố giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những

A. Nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.

B. Tính chất của cạnh tranh.

C. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

D. Nguyên nhân của sự giàu nghèo.

Câu 4: Hành vi nào sau đây là biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

A. Tiếp cận bán hàng trực tuyến.

B. Giảm thiểu chi phí sản xuất.

C. Tăng quy mô quảng cáo.

D. Bán hàng giả gây rối thị trường.

Câu 5: Nội dung nào sau đây được xem là cạnh tranh lành mạnh?

A. Bảo vệ môi trường tự nhiên.

B. Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 6: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

A. Kỳ vọng của người sản xuất.

B. Tâm lý của người tiêu dùng.

C. Tâm trạng của người mua hàng.

D. Thị hiếu của người tiêu dùng.

Câu 7: Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hàng hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

A. giảm xuống.

B. tăng lên.

C. giữ nguyên.

D. không đổi.

Câu 8: Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

A. giá cả của hàng hóa đó.

B. nguồn gốc của hàng hóa.

C. chất lượng của hàng hóa.

D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 9: Trong nền kinh tế thị trường, nếu giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất như tiền công, giá nguyên vật liệu, tiền thuê đất, ... giảm giá thì sẽ tác động như thế nào đến cung hàng hóa?

A. Cung giảm xuống.

B. Cung tăng lên.

C. Cung không đổi.

D. Cung bằng cầu.

Câu 10: Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá tăng lên thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

A. tăng.

B. giảm.

C. giữ nguyên.

D. không đổi.

Câu 11: Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm, gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế khi đó lạm phát của nền kinh tế ở mức độ

A. lạm phát vừa phải.

B. lạm phát phi mã.

C. siêu lạm phát.

D. lạm phát tượng trưng.

Câu 12: Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ phi mã nó thể hiện ở mức độ tăng của giá cả hàng hóa, dịch vụ từ

A. hai con số trở lên.

B. một con số trở lên.

C. không đến có.

D. mọi ngành hàng.

Câu 13: Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ gây ra hiện tượng như thế nào đối với nền kinh tế đó?

A. bất ổn nghiêm trọng.

B. hiệu ứng tích cực.

C. sụp đổ hoàn toàn.

D. cung tăng liên tục.

Câu 14: Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho lãi suất thực tế của đồng tiền nước đó có xu hướng

A. giảm.

B. tăng.

C. không đổi.

D. giữ nguyên.

Câu 15: Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã thì nền kinh tế đó ở vào trạng thái

A. lạm phát vừa phải.

B. lạm phát phi mã.

C. siêu lạm phát.

D. lạm phát toàn diện

VẬN DỤNG:

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 16,17,18,19,20

Trong những năm gần đây, xe máy điện đã trở thành một phương tiện giao thông phổ biến tại Việt Nam. Với sự phát triển của công nghệ pin và động cơ điện, xe máy điện ngày càng trở nên hiệu quả và tiện lợi. Các hãng xe đua nhau tung ra các mẫu xe máy điện mới với thiết kế đa dạng và tính năng hiện đại. Nhờ sự phát triển này, thị trường xe máy điện tại Việt Nam đang trở nên sôi động hơn bao giờ hết.

Các nhà sản xuất như VinFast, Honda, Yamaha, SYM và Piaggio đều đã tung ra những mẫu xe máy điện chất lượng cao. Các hãng xe không chỉ tập trung vào việc cải tiến công nghệ pin và động cơ, mà còn đặc biệt chú trọng vào thiết kế hiện đại, tính năng thông minh và khả năng tiết kiệm năng lượng.

Câu 16: Các hãng xe đua nhau tung ra các mẫu xe máy điện mới với thiết kế đa dạng và tính năng hiện đại để thu được nhiều lợi nhuận là thể hiện sự

A. phát triển.

B. tranh giành.

C. cạnh tranh.

D. đấu tranh.

Câu 17: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, các nhà sản xuất đua nhau tung ra những mẫu xe máy điện chất lượng cao nhằm

A. Đẩy mạnh nguồn vốn đầu tư.

B. Thu lợi nhuận cho người kinh doanh.

C. Phát triển kinh tế quốc dân.

D. Tăng cường sử dụng nguồn nhiên liệu.

Câu 18: Các hãng xe không chỉ tập trung vào việc cải tiến công nghệ pin và động cơ, mà còn đặc biệt chú trọng vào thiết kế hiện đại, tính năng thông minh và khả năng tiết kiệm năng lượng là biểu hiện của nội dung nào dưới đây của cạnh tranh kinh tế?

- A. Vai trò của cạnh tranh.
- B. Tính năng của cạnh tranh.
- C. Mặt hạn chế của cạnh tranh.
- D. Mục đích của cạnh tranh.

Câu 19: Việc nhiều chủ sản xuất và kinh doanh hàng giả là phản ánh nội dung nào dưới đây của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường
- B. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.
- C. Làm cho môi trường suy thoái.
- D. Triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh.

Câu 20: Trên thị trường, người tiêu dùng ganh đua với nhau để giành về cho mình điều gì dưới đây?

- A. Mua được hàng hoá chất lượng tốt.
- B. Sản xuất được hàng hóa chất lượng.
- C. Tiêu thụ được nhiều hàng hóa hơn.
- D. Giành được nhiều thị trường tốt.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 21,22,23,24,25

Trong những tháng đầu năm 2024, giá thanh long có nhiều biến động, nhiều hộ gia đình ở huyện T phá thanh long ruột trắng để trồng thanh long ruột đỏ do có giá cao hơn dao động từ 2000đ-3000đ/1kg.

Câu 21: Việc chuyển đổi cây trồng thanh long là biểu hiện nào trong nội dung quan hệ cung – cầu?

- A. Cung – cầu tác động lẫn nhau.
- B. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường.
- C. Giá cả ảnh hưởng đến cung – cầu.
- D. Cung lớn hơn cầu làm cho giá giảm

Câu 22: Người nông dân trồng thanh long ruột đỏ nhiều sẽ dẫn đến điều gì sau đây?

- A. Cung tăng.
- B. Cung giảm.
- C. Cầu tăng.
- D. Giá giảm.

Câu 23: Khi giá cả một mặt hàng mà em thường sử dụng tăng cao do lượng người mua đông mà hàng lại khan hiếm thì vận dụng quan hệ cung - cầu, em sẽ lựa chọn cách nào dưới đây theo hướng có lợi nhất cho mình?

- A. Chấp nhận mua mặt hàng đó với giá cao vì đã quen dùng.
- B. Tìm mua một mặt hàng tương đương có giá thấp hơn.
- C. Đợi khi nào mặt hàng đó ổn định thì tiếp tục mua.
- D. Bỏ hẳn không mua và không sử dụng mặt hàng đó nữa.

Câu 24: Giá cao su liên tục giảm mạnh trong nhiều năm liền nên anh X đã chuyển một phần diện tích cao su sang cây ngắn ngày để đỡ thua lỗ và có chi phí nhanh. Như vậy anh X đã

- A. vận dụng không tốt quy luật cung cầu.
- B. vận dụng tốt quy luật cung cầu.
- C. vận dụng không tốt quy luật cạnh tranh.
- D. vận dụng tốt quy luật cạnh tranh.

Câu 25: Vào đầu mùa đông, khi nhu cầu áo ấm tăng, là nhà kinh doanh quần áo sẽ lựa chọn phương án nào dưới đây để có lợi nhất?

- A. Nhập thêm nhiều sản phẩm thời trang mùa hè.
- B. Nhập cả quần áo thời trang hè và thu.
- C. Nhập quần áo mùa thu.
- D. Nhập thêm một số SP thời trang mùa đông.

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi 26,27,28,29,30

Năm 1985, chỉ số CPI tăng đến 92%, năm 1986 lên tới 775%, nền kinh tế bước vào thời kì lạm phát dữ dội với tỉ lệ tăng 3 con số kéo dài trong 2 năm tiếp theo. Phân phối lưu thông trong tình trạng rối ren, diễn biến theo chiều hướng xấu. Giá cả tiếp tục biến động phức tạp. Đồng tiền mất

giá nhanh, tâm lý người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt, tìm cách mua hàng dự trữ để bảo đảm, làm tăng thêm tình trạng căng thẳng về hàng hóa vốn đã thiếu so với nhu cầu.

Câu 26: Nội dung nào dưới đây **không** góp phần vào việc kiềm chế tình trạng lạm phát cao như năm 1986?

- A. Giảm lượng tiền mặt lưu thông.
- B. Phát hành thêm tiền để bù giá.
- C. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- D. Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây **không** biểu hiện tình trạng nền kinh tế đang rơi vào lạm phát?

- A. Đồng tiền mất giá nhanh.
- B. Người dân hạn chế giữ tiền mặt.
- C. Giá cả tăng cao liên tục.
- D. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 28: Chỉ số CPI lên tới 775% phản ánh tình trạng lạm phát ở nước ta đang rơi vào lạm phát

- A. phi mã.
- B. vừa phải.
- C. siêu lạm phát.
- D. lạm phát cao.

Câu 29: Khi lạm phát có nguy cơ diễn biến tiêu cực, để hạn chế những khó khăn đối với người lao động, nhà nước cần tăng cường việc làm nào đối với những người gặp khó khăn?

- A. Hỗ trợ thu nhập.
- B. Đẩy mạnh thu thuế.
- C. Hướng bảo hiểm xã hội một lần.
- D. Đánh thuế thu nhập cá nhân.

Câu 30: Đối với các doanh nghiệp, khi nền kinh tế có dấu hiệu lạm phát việc làm nào dưới đây sẽ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi vượt qua khủng hoảng?

- A. Cho vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp.
- B. Giảm lượng tiền doanh nghiệp vay.
- C. Thắt chặt việc xuất khẩu của doanh nghiệp.
- D. Dừng sản xuất để đợt hết lạm phát.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Cuộc chạy đua giành thị phần nước mắm đang trở nên gay gắt khi các hãng nước mắm truyền thống tiến hành thay đổi mẫu mã, khẩu vị, trong khi thương hiệu lớn tiếp tục gia tăng đầu tư. Trước năm 2002, trên thị trường chỉ tồn tại khái niệm nước mắm truyền thống với 2 thành phần chính là cá và muối. Trong khi nước mắm được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp lại có thành phần cá ít hơn, đồng thời pha chế thêm một số phụ gia cần thiết. Hiện nay, nhiều thương hiệu nước mắm liên tục ra đời tạo nên một làn sóng mới trên thị trường khi thị phần gia tăng nhanh chóng nhờ quy mô sản xuất, lợi thế giá rẻ và chi phí quảng cáo lớn, rầm rộ, cùng với đội ngũ tiếp thị hùng hậu.

- A. Các doanh nghiệp sản xuất nước mắm có nhiều hoạt động đấu tranh giành thị phần đó chính là sự cạnh tranh.
- B. Sự ganh đua của các doanh nghiệp nước mắm mục đích là vì lợi nhuận.
- C. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nước mắm là sự chia sẻ lợi nhuận cho nhau.
- D. Mở rộng quy mô sản xuất, quảng cáo rầm rộ chính là hoạt động cạnh tranh lành mạnh của các doanh nghiệp sản xuất nước mắm.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Trong tháng 02/2024 đàn gia cầm trên cả nước phát triển tốt; các cơ sở chăn nuôi giữ ổn định quy mô, giá thức ăn chăn nuôi đã giảm đáng kể, giúp giảm bớt khó khăn cho hoạt động chăn nuôi nhất là ở các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Nguồn cung thịt và trứng gia cầm đáp ứng đầy đủ cho thị trường. Tổng số gia cầm của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 2/2024 tăng 2,1% so với cùng thời điểm năm 2023.

- A. Giá nguyên liệu là một trong các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc mở rộng cơ sở chăn nuôi gia cầm.
- B. Cung là khối lượng gia cầm cung ứng trong thời gian nhất định.

- C. Trong thông tin trên, nguồn cung gia cầm tăng là do cơ sở gia cầm tăng cường chiến dịch quảng cáo.
D. Trong thông tin trên, nguồn cung gia cầm tăng là do giá thịt gia cầm tăng cao.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Tại quốc gia T, nhu cầu du lịch vào dịp cuối năm rất lớn nên nhu cầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng dần. Đồng thời, do ảnh hưởng thị trường thế giới, giá xăng trong nước cũng được điều chỉnh tăng qua nhiều lần làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp. Điều này làm cho giá cả hàng hoá, dịch vụ đồng loạt tăng cao, tạo sức ép lớn lên tỉ lệ lạm phát ở quốc gia này.

- A. Chi phí nguyên liệu đầu vào cùng với tác động thị trường thế giới làm cho lạm phát tăng.
B. Giá cả hàng hóa tăng một phần nguyên nhân là do nhu cầu của người tiêu dùng tăng.
C. Giá cả tăng làm cho nhu cầu du lịch của người dân giảm.
D. Giá nguyên liệu đầu vào tăng do thiếu hụt nguyên liệu trong nước.

TỰ LUẬN

Câu 1

- a, Cạnh tranh là gì? Những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?
b, Phân tích vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.
c, Cạnh tranh không lành mạnh là gì? Lấy ví dụ cụ thể.

Câu 2

- a, Cung là gì? Cầu là gì? Các nhân tố ảnh hưởng đến cung và cầu trong nền kinh tế thị trường?
b, Nêu và phân tích mối quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường.
c, Hãy phân tích vai trò của cung - cầu đối với các chủ thể sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, Nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Câu 3

- a, Lạm phát là gì? Nêu công thức tính tỷ lệ lạm phát.
b, Có mấy loại hình lạm phát? Nêu rõ nội dung của các loại hình lạm phát đó?
c, Hãy nêu những nguyên nhân và hậu quả của lạm phát.

ĐỀ MINH HOẠ

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ
TỔ XÃ HỘI - NHÓM GD KT&PL

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025-2026

Môn thi: Giáo dục kinh tế và pháp luật 11

Thời gian làm bài: 45 phút

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Người sản xuất, kinh doanh cố giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. sản xuất. B. tăng vốn. C. đầu tư. D. cạnh tranh.

Câu 2. Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

- A. Cạnh tranh văn hoá. B. Cạnh tranh kinh tế.
C. Cạnh tranh chính trị. D. Cạnh tranh sản xuất.

Câu 3. Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

- A. Quy luật cung cầu B. Quy luật giá trị
C. Quy luật lưu thông tiền tệ D. Quy luật cạnh tranh

Câu 4. Vì quán cà phê của mình khách ít trong khi quán đối diện của nhà anh D khách lại rất đông nên anh L đã thuê kẻ xấu ngày nào cũng quậy phá quán của anh D và tạt nước bẩn vào bàn ghế trong quán D. Việc làm của anh L là biểu hiện nào của cạnh tranh?

- A.** Cạnh tranh không lành mạnh. **B.** Cạnh tranh phi pháp.
- C.** Chiến thuật tiêu cực. **D.** Chiêu thức trong kinh doanh.

Câu 5. Thông qua pháp luật, chính sách nhằm cân đối lại cung – cầu là sự vận dụng quan hệ cung cầu của chủ thể nào sau đây?

- A.** người tiêu dùng. **B.** người kinh doanh. **C.** nhà nước. **D.** người sản xuất.

Câu 6. Trong nền kinh tế hàng hóa, khi trên thị trường có hiện tượng giá cả tăng thì sẽ tác động đến cung và cầu như thế nào?

- A.** Cung tăng, cầu giảm.
B. Cung giảm, cầu tăng.
C. Cung và cầu giảm.
D. Cung và cầu tăng.

Câu 7. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A.** cung. **B.** cầu. **C.** lam phát. **D.** thất nghiệp.

Câu 8. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A.** giá cả của hàng hóa đó.
B. nguồn gốc của hàng hóa.
C. chất lượng của hàng hóa.
D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 9. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A.** lam phát. **B.** tiền tệ. **C.** cung cầu. **D.** thi trường.

Câu 10. Trong nền kinh tế, dấu hiệu cơ bản để nhận biết nền kinh tế đó đang ở trong thời kỳ lạm phát đó là sự

- A.** suy giảm nguồn cung hàng hóa.
B. giảm giá hành hóa, dịch vụ.
C. gia tăng nguồn cung hàng hóa.
D. tăng giá hàng hóa, dịch vụ.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 11,12:

Năm 1985, chỉ số CPI tăng đến 92%, năm 1986 lên tới 775%, nền kinh tế bước vào thời kì lạm phát dữ dội với tỉ lệ tăng 3 con số kéo dài trong 2 năm tiếp theo. Phân phối lưu thông trong tình trạng rối ren, diễn biến theo chiều hướng xấu. Giá cả tiếp tục biến động phức tạp. Đồng tiền mất giá nhanh, tâm lí người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt, tìm cách mua hàng dự trữ để bảo đảm, làm tăng thêm tình trạng căng thẳng về hàng hóa vốn đã thiếu so với nhu cầu.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây **không** biểu hiện tình trạng nền kinh tế đang rơi vào lạm phát?

- A.** Đồng tiền mất giá nhanh.
B. Người dân hạn chế giữ tiền mặt.
C. Giá cả tăng cao liên tục.
D. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 12. Chỉ số CPI lên tới 775% phản ánh tình trạng lạm phát ở nước ta đang rơi vào lạm phát

- A.** phi mã. **B.** vừa phải. **C.** siêu lam phát. **D.** lam phát cao

PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (Trong mỗi ý a,b,c,d chọn đúng hoặc sai)

Câu 1. Công ty H chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm áo sơ mi nữ. Hai tháng gần đây, trên thị trường xuất hiện nhiều sản phẩm mới của các công ty, tập đoàn may mặc có thương hiệu trong và ngoài nước với kiểu dáng, mẫu mã đa dạng, chất liệu vải đẹp, giá cũng hấp dẫn hơn khiến doanh thu bán hàng của công ty H sụt giảm. Ban Giám đốc công ty phải nhanh chóng đưa ra các giải pháp: tìm kiếm thêm nguồn vải có hoa tiết, chất liệu đặc biệt hơn, ứng dụng công nghệ mới trong

việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,... để nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới, thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- a. Công ty H và các công ty khác cùng cạnh tranh nhau về sản phẩm hàng may mặc.
- b. Việc Ban giám đốc đưa ra các giải pháp để thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường là phù hợp với quy luật cạnh tranh.
- c. Điều kiện sản xuất của công ty H và các công ty khác là khác nhau nên họ cạnh tranh nhau là hợp lý.
- d. Để cạnh tranh được với đối thủ, các chủ thể sản xuất kinh doanh được sử dụng mọi biện pháp để giành thắng lợi trong cạnh tranh.

Câu 2. Đơn hàng nhiều giúp kim ngạch xuất khẩu 3 nhóm hàng: gạo, rau quả, cà phê liên tục tăng nhanh trong nửa đầu tháng 1-2024. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, nửa đầu tháng 1, cả nước xuất khẩu hơn 194.000 tấn gạo, kim ngạch đạt gần 135 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu cà phê nửa đầu tháng 1 đạt gần 96.000 tấn, với kim ngạch gần 283 triệu USD, so cùng kỳ năm 2023 tăng 4,2% về lượng và tăng mạnh 39,7% về kim ngạch. Rau quả là "anh cả" của tăng trưởng, cụ thể 15 ngày đầu tháng 1 đạt 459 triệu USD. Nếu so với cùng kỳ năm 2023, con số này đang tăng trên 89% và so với tháng liền kề trước đó là trên 12%.

- a. Cầu tăng là nguyên nhân khiến nguồn cung tăng.
- b. Việc đẩy mạnh xuất khẩu sẽ tác động đến nguồn cung trong nước và làm giá cả hàng hóa này trong nước tăng.
- c. Số liệu khả quan về xuất khẩu hàng hóa phản ánh năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường thế giới.
- d. Giảm thuế xuất khẩu là giải pháp hữu hiệu để tăng nguồn cung hàng hóa cho xuất khẩu.

Câu 3. Vào thời điểm gần Tết Trung thu, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường.

- a. Thông tin trên thể hiện mối quan hệ cầu tăng dẫn đến cung tăng.
- b. Quan hệ cung cầu đã giúp các chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định hợp lý.
- c. Việc có nhiều doanh nghiệp chuyển sang sản xuất bánh trung thu sẽ góp phần làm cho giá cả mặt hàng này giảm xuống.
- d. Tính thời vụ là yếu tố ảnh hưởng nhất tới cung về thị trường bánh trung thu.

Câu 4. Do ảnh hưởng của cơn bão số 10, các tỉnh miền Trung bị thiệt hại nặng nề dẫn đến việc khan hiếm về lương thực, thực phẩm và đẩy giá một số hàng lương thực, thực phẩm tăng cao. Trước tình hình đó, các cơ quan chức năng đã tích cực đưa ra các giải pháp như hỗ trợ chi phí, hạn chế xuất khẩu, đặc biệt là chỉ đạo các doanh nghiệp đầu mối chủ động điều tiết nguồn hàng nhằm góp phần bình ổn giá.

- a. Cung giảm dẫn đến giá cả hàng hóa một số mặt hàng tăng cao.
- b. Người dân cần điều chỉnh thói quen tiêu dùng để phù hợp với quan hệ cung cầu.
- c. Tăng nguồn cung là giải pháp duy nhất để ổn định thị trường.

d. Việc ổn định quan hệ cung cầu là trách nhiệm của chủ thể nhà nước trong nền kinh tế.

PHẦN III. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1.

a, Nêu những nguyên nhân dẫn đến lạm phát.

b, Nêu những hậu quả của lạm phát.

Câu 2. Tính chỉ số lạm phát giả định trong bảng số liệu sau:

Số lượng hàng hoá	Thịt 3kg	Cá 5kg	Gạo 3kg	Rau kg	Gà 1kg	Vịt 2kg	Dầu ăn 4 lít
T10/2022	150k/1kg	100k/1kg	20k/1kg	15k/1kg	200k/1kg	250k/1kg	50k/1 lít
T10/2023	200k/1kg	150k/1kg	15k/1kg	20k/1kg	300k/1kg	300k/1kg	80k/1 lít

a, Cho biết tỉ lệ lạm phát trên thuộc loại hình lạm phát nào?

b, Nêu nội dung của loại hình lạm phát đó.